

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC



LienVietPostBank

NGÂN HÀNG BƯU ĐIỆN LIÊN VIỆT

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NGÂN HÀNG BƯU ĐIỆN LIÊN VIỆT
NĂM 2016

LIÊN KẾT PHÁT TRIỂN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: triệu VND

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2016	31/12/2015
A	TÀI SẢN		141.865.255	107.587.384
I	Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	4	639.592	480.567
II	Tiền gửi tại NHNN	5	12.219.567	1.885.088
III	Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	6	9.277.203	5.423.331
1	Tiền gửi tại các TCTD khác		8.097.203	4.673.764
2	Cho vay các TCTD khác		1.184.634	751.884
3	Dự phòng rủi ro		(4.634)	(2.317)
IV	Chứng khoán kinh doanh	7	-	-
1	Chứng khoán kinh doanh		-	-
2	Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh		-	-
V	Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	8	19.369	34.196
VI	Cho vay khách hàng	9	78.705.746	55.470.066
1	Cho vay khách hàng		79.676.162	56.164.794
2	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng		(970.416)	(694.728)
VII	Hoạt động mua nợ		-	-
1	Mua nợ		-	-
2	Dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ		-	-
VIII	Chứng khoán đầu tư	10	33.246.425	32.159.897
1	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		32.496.712	29.827.164
2	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		1.553.047	2.680.135
3	Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư		(803.334)	(347.402)
IX	Góp vốn, đầu tư dài hạn	11	324.731	324.731
1	Đầu tư vào công ty con		-	-
2	Vốn góp liên doanh		-	-
3	Đầu tư vào công ty liên kết		-	-
4	Đầu tư dài hạn khác		324.731	324.731
5	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		-	-
X	Tài sản cố định		1.255.165	1.172.472
1	Tài sản cố định hữu hình	12	828.944	767.451
a	Nguyên giá TSCĐ		1.414.803	1.213.838
b	Hao mòn TSCĐ		(585.859)	(446.387)
2	Tài sản cố định vô hình	13	426.221	405.021
a	Nguyên giá TSCĐ		487.613	462.532
b	Hao mòn TSCĐ		(61.392)	(57.511)
XI	Tài sản có khác	14	6.177.457	10.637.036
1	Các khoản phải thu		2.716.945	6.570.952
2	Các khoản lãi, phí phải thu		2.862.160	3.530.106
3	Tài sản thuế TNDN hoãn lại		-	-
4	Tài sản có khác		601.291	542.393
	Trong đó: Lợi thế thương mại	15	311.430	380.636
5	Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác		(2.939)	(6.415)
TỔNG TÀI SẢN CÓ			141.865.255	107.587.385

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: triệu VND

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2016	31/12/2015
B	NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		141.865.255	107.587.385
I	Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	16	310.737	6.344.833
II	Tiền gửi và vay các TCTD khác	17	14.796.745	11.199.634
1	Tiền gửi của các TCTD khác		7.959.893	6.917.588
2	Vay các TCTD khác		6.836.852	4.282.046
III	Tiền gửi của khách hàng	18	110.984.894	77.628.984
IV	Các công cụ tài chính phải sinh và các khoản nợ tài chính khác	8	-	-
V	Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	19	1.107.950	1.094.500
VI	Phát hành giấy tờ có giá		4.100.000	2.000.000
VII	Các khoản nợ khác	20	2.233.044	1.718.914
1	Các khoản lãi, phí phải trả		1.670.585	1.470.556
2	Thuế TNDN hoãn lại phải trả		-	-
3	Các khoản phải trả và công nợ khác		562.459	248.358
4	Dự phòng rủi ro khác		-	-
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		133.533.370	99.986.864
VIII	Vốn chủ sở hữu	21	8.331.885	7.600.520
1	Vốn của TCTD		6.523.331	6.523.331
a	Vốn điều lệ		6.460.000	6.460.000
b	Thặng dư vốn cổ phần		-	63.331
c	Vốn khác		63.331	-
2	Quỹ của TCTD		867.572	713.469
3	Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
4	Lợi nhuận chưa phân phối/ Lỗ lũy kế		940.982	363.720
5	Lợi ích của cổ đông thiểu số		-	-
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		141.865.255	107.587.385

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: triệu VND

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2016	31/12/2015
1	Bảo lãnh vay vốn	36	6.920	8.671
2	Cam kết giao dịch hối đoái		19.522.079	8.037.870
	Cam kết mua ngoại tệ		2.260.218	239.308
	Cam kết bán ngoại tệ		2.127.264	1.501.562
	Cam kết giao dịch hoán đổi		15.134.597	6.297.000
	Cam kết giao dịch tương lai		-	-
3	Cam kết cho vay không hủy ngang		-	-
4	Cam kết trong nghiệp vụ L/C		1.582.693	2.597.589
5	Bảo lãnh khác		2.626.967	2.547.072
6	Cam kết khác		2.674.651	14.914.937

Lập bảng
(Ký, họ tên)

Nguyễn Tiến Công

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Gấm

Hà Nội, ngày tháng năm 2017

Tổng Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)



Phạm Doãn Sơn

NGÂN HÀNG TMCP BƯU ĐIỆN LIÊN VIỆT
Tòa nhà Capital Tower, Số 109 Trần Hưng Đạo,
Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội

Mẫu số: B03/TCTD
(Ban hành theo TT số 49/2015/TT-NHNN
ngày 31/12/2015)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: triệu VND

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2016	31/12/2015
I	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	22	8.907.851	6.968.760
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	23	(4.884.081)	(4.348.857)
I	Thu nhập lãi thuần		4.023.770	2.619.903
3	Thu nhập lãi từ hoạt động dịch vụ		164.177	78.543
4	Chi phí hoạt động dịch vụ		(88.112)	(72.498)
II	Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ	24	76.065	6.045
III	Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	25	137.811	(10.469)
IV	Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	26	(324)	(244)
V	Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	27	(222.440)	10.959
5	Thu nhập từ hoạt động khác		5.365	16.755
6	Chi phí hoạt động khác		(148.602)	(155.246)
VI	Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác	28	(143.237)	(138.491)
VII	Thu nhập từ góp vốn mua cổ phần	29	-	-
VIII	Chi phí hoạt động	30	(2.031.488)	(1.563.456)
IX	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		1.840.157	924.247
X	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		(492.299)	(502.310)
XI	Tổng lợi nhuận trước thuế		1.347.858	421.937
7	Chi phí thuế TNDN hiện hành		(285.072)	(72.088)
8	Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
XII	Chi phí thuế TNDN	31	(285.072)	(72.088)
XIII	Lợi nhuận sau thuế		1.062.786	349.849
XIV	Lợi ích của cổ đông thiểu số		-	-
XV	Lãi cơ bản trên cổ phiếu		1.582	524

Hà Nội, ngày tháng năm 2017

Lập bảng
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Tổng Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Tiến Công

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Gấm



Phạm Doãn Sơn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: triệu VND

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2016	31/12/2015
	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được		9.634.754	6.579.262
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả		(4.678.059)	(4.305.742)
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được		157.219	6.036
4	Chênh lệch số tiền thực thu/thực chi từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng bạc, chứng khoán)		108.718	33.406
5	Thu nhập khác		(130.202)	(64.661)
6	Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xóa, bù đắp bằng nguồn rủi ro		172	268
7	Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ		(962.412)	(1.006.754)
8	Tiền thuế thu nhập thực nộp trong kỳ		(210.250)	(60.487)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động		3.919.941	23.523
	Những thay đổi về tài sản hoạt động		34.075.274	(28.977.811)
9	(Tăng)/Giảm các khoản tiền vàng và cho vay các TCTD khác		(432.750)	2.931.607
10	(Tăng)/Giảm các khoản về kinh doanh chứng khoán		(1.357.725)	4.913.750
11	(Tăng)/Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		14.827	34.196
12	(Tăng)/Giảm các khoản cho vay khách hàng		(23.511.368)	(16.024.073)
13	Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản		752	32.368
14	(Tăng)/Giảm khác về tài sản hoạt động		1.724.187	(88.834)
	Những thay đổi về công nợ hoạt động		34.075.274	6.477.614
15	Tăng/(Giảm) các khoản nợ chính phủ và NHNN		(6.034.096)	6.318.898
16	Tăng/(Giảm) các khoản tiền gửi, tiền vay các TCTD		3.597.111	(1.651.482)
17	Tăng/(Giảm) tiền gửi của khách hàng (bao gồm cả KBNN)		33.355.910	(190.875)
18	Tăng/(Giảm) phát hành GTCG (ngoại trừ GTCG phát hành được tính vào hoạt động tài chính)		2.100.000	2.000.000
19	Tăng/(Giảm) vốn tài trợ ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro		13.450	32.200
20	Tăng/(Giảm) các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác		-	(45.096)
21	Tăng/(Giảm) khác về công nợ hoạt động		1.089.277	31.847
22	Chi từ quỹ của TCTD		(46.378)	(17.879)
I	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		14.433.138	(542.044)

NGÂN HÀNG TMCP BƯU ĐIỆN LIÊN VIỆT

Tòa nhà Capital Tower, Số 109 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam,
Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội

Mẫu số: B04/TCTD
(Ban hành theo TT số
49/2015/TT-NHNN ngày
31/12/2015)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: triệu VND

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2016	31/12/2015
	<i>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</i>			
1	Mua sắm TSCĐ		(226.047)	(235.621)
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		553	458
3	Tiền chi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		-	(447)
4	Mua sắm Bất động sản đầu tư		-	-
5	Tiền thu từ bán, thanh lý bất động sản đầu tư		-	-
6	Tiền chi ra do bán, thanh lý bất động sản đầu tư		-	-
7	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác (Chi đầu tư mua công ty con, góp vốn liên doanh, liên kết, và các khoản đầu tư dài hạn khác)		-	-
8	Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác (Thu bán, thanh lý công ty con, góp vốn liên doanh, liên kết, các khoản đầu tư dài hạn khác)		-	-
9	Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các đầu tư, góp vốn dài hạn		-	-
II	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		(225.495)	(574.723)
	<i>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</i>		-	-
1	Tăng vốn cổ phần từ góp vốn và/hoặc phát hành cổ phiếu		-	-
2	Tiền thu từ phát hành GTCG có đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác		-	-
3	Tiền chi thanh toán GTCG có đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác		-	-
4	Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia		(290.700)	(129.200)
III	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		(290.700)	(129.200)
IV	<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>		13.916.943	(906.852)
V	<i>Tiền và các khoản tương đương tiền tại đầu năm</i>		7.039.419	7.946.272
VI	<i>Điều chỉnh ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá</i>		-	-
VII	<i>Tiền và các khoản tương đương tiền tại cuối năm</i>	32	20.956.362	7.039.419

Hà Nội, ngày tháng năm 2017

Lập bảng
(Ký, họ tên)

Nguyễn Tiến Công

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Gấm

Tổng Giám đốc
(Ký, họ tên)



Phạm Doãn Sơn